

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ I NĂM 2015**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

MST: 0100100512

HÀ NỘI - THÁNG 6 NĂM 2015



NỘI DUNG	TRANG
Bảng cân đối kế toán	1
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	4
Thuyết minh Báo cáo tài chính	5-32

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.399.132.711.877	3.466.217.585.478
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	527.734.168.260	770.927.664.834
111	1. Tiền		213.391.720.862	340.160.278.936
112	2. Các khoản tương đương tiền		314.342.447.398	430.767.385.898
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	305.619.497.173	271.325.737.173
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		305.619.497.173	271.325.737.173
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.156.291.195.136	1.022.896.544.181
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	997.351.693.526	914.121.519.657
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		124.454.776.152	57.343.228.502
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		33.274.844.476	16.885.120.000
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	6	53.028.495.508	85.899.512.244
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(52.095.702.335)	(51.629.924.031)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý		277.087.809	277.087.809
140	IV. Hàng tồn kho	7	1.362.011.756.548	1.378.861.337.210
141	1. Hàng tồn kho		1.370.751.252.748	1.387.600.833.410
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(8.739.496.200)	(8.739.496.200)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		47.476.094.760	22.206.302.080
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	3.543.279.162	2.380.796.252
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		21.381.837.830	18.802.545.278
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	1.780.547.334	1.022.960.550
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		20.770.430.434	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.707.313.695.597	1.682.298.233.075
220	II. Tài sản cố định		1.017.258.891.617	750.065.201.022
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	942.657.093.468	675.109.785.964
222	- Nguyên giá		1.805.236.300.693	1.512.780.293.213
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(862.579.207.225)	(837.670.507.249)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	74.601.798.149	74.955.415.058
228	- Nguyên giá		84.745.801.725	84.863.183.598
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.144.003.576)	(9.907.768.540)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	52.226.279.036	337.570.727.947
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		52.226.279.036	337.570.727.947
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	495.810.752.989	459.197.945.594
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		485.626.110.113	449.133.104.318
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.049.239.076	11.049.239.076
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(864.596.200)	(984.397.800)
260	V. Tài sản dài hạn khác		135.732.209.359	135.464.358.512
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	120.672.603.393	123.442.256.767
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	18	6.993.557.966	3.956.053.745
268	4. Tài sản dài hạn khác		8.066.048.000	8.066.048.000
269	VI. Lợi thế thương mại		6.285.562.596	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.106.446.407.474	5.148.515.818.553

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

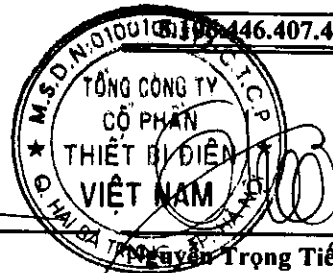
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		2.242.461.404.690	2.407.699.506.770
310	I. Nợ ngắn hạn		2.138.658.814.850	2.304.198.805.855
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	587.794.472.279	576.964.314.072
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		155.448.328.981	118.621.678.224
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	39.956.502.600	52.288.685.558
314	4. Phải trả người lao động		81.380.105.361	143.747.897.589
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	82.650.113.883	86.709.024.960
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	27.772.258.467	68.380.492.173
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	16	310.695.230.915	331.333.663.527
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	741.052.025.250	806.250.113.649
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	85.137.454.271	77.455.883.215
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		26.772.322.843	42.447.052.888
330	II. Nợ dài hạn		103.802.589.840	103.500.700.915
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17	501.758.230	-
337	7. Phải trả dài hạn khác	16	17.111.375.784	7.597.579.662
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12	28.380.689.000	28.380.689.000
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	18	177.699.715	528.689.079
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn	19	34.139.544.070	43.481.057.632
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		23.491.523.041	23.512.685.542
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.863.985.002.784	2.740.816.311.783
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	2.853.691.199.704	2.729.812.916.008
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		47.513.826.624	47.513.826.624
415	5. Cổ phiếu quỹ		(5.025.000.000)	(5.025.000.000)
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		1.762.874.490	960.044.030
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		111.786.465.236	107.862.750.909
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		198.392.508	198.392.508
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		721.905.983.720	629.439.175.337
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		575.548.657.126	548.863.726.600
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		10.293.803.080	11.003.395.775
431	1. Nguồn kinh phí		1.974.709.602	1.857.403.945
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		8.319.093.478	9.145.991.830
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.106.446.407.474	5.148.515.818.553



Đoàn Thị Lan Phương
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 19 tháng 6 năm 2015

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
			đến 31/03/2015	đến 31/03/2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	2.110.909.173.114	1.895.415.035.843
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	84.448.802.101	4.766.596.148
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.026.460.371.013	1.890.648.439.695
11	4. Giá vốn hàng bán	26	1.740.801.346.842	1.683.885.480.143
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		285.659.024.171	206.762.959.552
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		10.029.391.430	18.298.115.109
22	7. Chi phí tài chính		14.817.320.689	19.194.931.308
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		9.025.044.111	13.854.457.447
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		12.584.496.970	8.081.139.744
25	9. Chi phí bán hàng		62.326.551.089	37.296.532.614
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp		71.091.655.218	53.673.206.272
30	11. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		160.037.385.575	122.977.544.211
31	12. Thu nhập khác		1.019.828.326	446.115.039
32	13. Chi phí khác		175.364.161	155.275.531
40	14. Lợi nhuận khác		844.464.165	290.839.508
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		160.881.849.740	123.268.383.719
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		40.536.042.782	23.989.561.516
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(2.987.539.471)	(2.618.481)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		123.333.346.429	99.281.440.684
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		96.648.415.903	60.426.652.026
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		26.684.930.526	38.854.788.658
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	693	433

(Signature)

(Signature)



Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 19 tháng 6 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

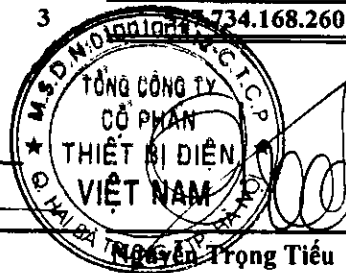
(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
			đến 31/03/2015	đến 31/03/2014
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		2.069.977.749.050	1.745.483.680.574
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(1.859.759.123.261)	(1.771.609.549.818)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(172.916.311.076)	(128.549.625.498)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(8.798.608.624)	(16.943.272.001)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(38.443.882.275)	(51.920.394.769)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		117.177.459.742	132.617.874.465
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(251.122.431.016)	(198.919.578.020)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		(143.885.147.461)	(289.840.865.067)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(24.923.091.042)	(24.650.352.434)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(56.689.940.000)	(56.945.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		42.200.000.000	85.255.092.246
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(18.400.000.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	102.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.728.367.331	194.823.773.615
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		(52.084.663.711)	198.585.513.427
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		10.378.480.000	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		597.182.946.325	360.945.812.742
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(654.783.551.727)	(306.596.302.866)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.560.000)	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		(47.223.685.402)	54.349.509.876
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>		(243.193.496.574)	(36.905.841.764)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		770.927.664.834	494.352.346.689
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	527.734.168.260	457.446.504.925

(Signature)

T. Anh



Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Tiểu

Tổng Giám đốc

Lập, ngày 19 tháng 6 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 07 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.400.000.000.000 đồng; tương đương 140.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất kinh doanh trong các ngành nghề, lĩnh vực chính là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc;

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các công ty con trực tiếp sau:

Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh	Địa chỉ
- Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Sản xuất kinh doanh dây cáp điện, khí cụ điện	TP. Hồ Chí Minh
- Công ty CP Thiết bị điện	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện	Tỉnh Đồng Nai
- Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện	TP. Hà Nội
- Công ty CP Khí cụ điện 1	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện	TP. Hà Nội
- Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (Cambodia)	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện	Phnom Penh, Campuchia
- Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh máy bơm	Tỉnh Hải Dương

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

Công ty có các công ty con gián tiếp sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Ngành nghề kinh doanh</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện	Tỉnh Đồng Nai
- Công ty Liên doanh Thibidi (Cambodia)	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện	Phnom Penh, Campuchia
- Công ty CP Điện cơ Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện	TP. Hồ Chí Minh
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề	TP. Hà Nội
- Công ty TNHH Cadivi Đồng Nai	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện	Tỉnh Đồng Nai

Công ty có các công ty liên doanh, liên kết sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Ngành nghề kinh doanh</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty CP Sản xuất và Thương mại Emic	Sản xuất, kinh doanh thiết bị điện	TP. Hà Nội
- Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Sản xuất kinh doanh chế tạo động cơ điện	Tỉnh Đồng Nai
- Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Xây dựng	TP. Hà Nội
- Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD (Tổng Công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội)	Kinh doanh khách sạn	TP. Hồ Chí Minh
- Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Sản xuất dây đồng	TP. Hà Nội

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Ngành nghề kinh doanh</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Khách sạn Bình Minh - Hà Nội	Kinh doanh khách sạn	TP. Hà Nội
- Cơ sở sản xuất tại KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh	Sản xuất kinh doanh thiết bị điện	Tỉnh Bắc Ninh

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2015. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với báo cáo tài chính của Tổng Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính từ USD sang VND

Báo cáo tài chính chuyển đổi theo Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái ban hành và công bố theo quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ tài chính và hướng dẫn chuyển đổi theo Thông tư số 161/2007/TT-BTC của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện 16 chuẩn mực kế toán.

Trong đó:

Tài sản và nợ phải trả (cả khoản mục tiền tệ và phi tiền tệ) của công ty con tại nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá cuối kỳ.

Các khoản mục về doanh thu, thu nhập khác và chi phí của công ty con tại nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch; trường hợp tỷ giá trung bình xấp xỉ tỷ giá thực tế thì tỷ giá trung bình được sử dụng để chuyển đổi các khoản mục doanh thu, thu nhập khác và chi phí của cơ sở ở nước ngoài;

Tất cả các khoản chênh lệch hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con tại nước ngoài để hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty phải được phân loại như là vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty cho đến khi thanh lý khoản đầu tư thuần đó.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngoài các khoản chứng khoán kinh doanh) như: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng, phần mềm kế toán	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Giá trị quyền sử dụng đất	50 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	10 - 25 năm

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nợ phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác.

Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản khoản tiền vay, nợ thuê tài chính.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Tổng Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty, Thông báo của Hội đồng quản trị và Tổng Công ty hoàn thành việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu được trình bày trên Báo cáo tài chính phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn được trình bày trên Báo cáo tài chính phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	6.177.170.074	4.201.727.172
Tiền gửi ngân hàng	207.214.550.788	335.958.551.764
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	314.342.447.398	430.767.385.898
	<u><u>527.734.168.260</u></u>	<u><u>770.927.664.834</u></u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/03/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- <i>Ngắn hạn</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn	305.619.497.173	305.619.497.173	271.325.737.173	271.325.737.173
	305.619.497.173	305.619.497.173	271.325.737.173	271.325.737.173
	305.619.497.173	305.619.497.173	271.325.737.173	271.325.737.173

	31/03/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- <i>Công ty liên doanh, liên kết</i>	480.294.006.363	480.294.006.363	-	449.133.104.318	449.133.104.318	-
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	20.188.297.220	20.188.297.220	-	20.188.297.220	20.188.297.220	-
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	5.524.630.171	5.524.630.171	-	5.524.630.171	5.524.630.171	-
Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	119.105.505.506	119.105.505.506	-	119.105.505.506	119.105.505.506	-
Công ty TNHH SAS - CTAMAD	335.475.573.466	335.475.573.466	-	304.314.671.421	304.314.671.421	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và thương mại EMIC	5.332.103.750	5.332.103.750	-	-	-	-
- <i>Đầu tư khác</i>	11.049.239.076	10.184.642.876	(864.596.200)	11.049.239.076	10.064.841.276	(984.397.800)
Góp vốn dài hạn	6.312.844.600	6.312.844.600	-	6.312.844.600	6.312.844.600	-
Đầu tư cổ phiếu	2.178.670.000	1.314.073.800	(864.596.200)	2.178.670.000	1.194.272.200	(984.397.800)
Cho vay dài hạn	457.724.476	457.724.476	-	457.724.476	457.724.476	-
Đầu tư vào cổ phiếu khác	2.100.000.000	2.100.000.000	-	2.100.000.000	2.100.000.000	-
	496.675.349.189	495.810.752.989	(864.596.200)	460.182.343.394	459.197.945.594	(984.397.800)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/03/2015 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Sản xuất và thương mại EMIC	TP. Hà Nội	25,50%	25,50%	Sản xuất, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	TP. Hà Nội	45,00%	45,00%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
Công ty TNHH SAS - CTAMAD	TP. Hà Nội	23,11%	23,11%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn

Đầu tư vào công ty liên doanh

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Công ty vào ngày 31/03/2015 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc

5 . KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	997.351.693.526	914.121.519.657
Công ty TNHH MTV Khe Sim	5.343.567.900	-
Công ty TNHH Xây dựng Bảo Sơn	6.325.184.232	6.325.184.232
Công ty Điện lực Hoài Đức	-	12.074.918.900
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	21.794.441.869	74.617.874.069
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	39.327.016.152	21.728.451.352
Các khoản phải thu khách hàng khác	924.561.483.373	799.375.091.104
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
	Mối quan hệ	
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	
	3.222.858.800	3.201.857.600
Công ty Cổ phần Sản xuất và thương mại EMIC	Công ty liên kết	
	17.561.152.871	15.094.288.769

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/03/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn	53.028.495.508	-	85.899.512.244	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	950.000.000	-	-	-
Phải thu người lao động	12.342.613.602	-	16.321.780.495	-
Ký cược, ký quỹ	989.148.463	-	51.811.608.278	-
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	1.839.980.716	-	4.223.515.094	-
Phải thu về thuế thu nhập cá nhân	8.944.292.501	-	8.953.733.946	-
Phải thu Kinh phí xây dựng hạ tầng	-	-	1.000.000.000	-
Phải thu khác	27.962.460.226	-	3.588.874.431	-
	53.028.495.508	-	85.899.512.244	-

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/03/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	2.288.792.636	-	17.092.537.938	-
Nguyên liệu, vật liệu	511.462.390.995	(7.949.699.850)	363.507.740.731	(7.949.699.850)
Công cụ, dụng cụ	3.404.181.008	-	5.022.129.334	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	138.289.952.928	-	169.909.447.845	-
Thành phẩm	675.981.590.932	(510.045.350)	665.122.367.802	(510.045.350)
Hàng hoá	28.047.218.885	(279.751.000)	152.214.105.099	(279.751.000)
Hàng gửi đi bán	11.277.125.364	-	14.732.504.661	-
Hàng hoá kho bảo thuế	-	-	-	-
	1.370.751.252.748	(8.739.496.200)	1.387.600.833.410	(8.739.496.200)



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn	3.543.279.162	2.380.796.252
Chi phí trả trước về thuê hoạt động tài sản cố định	-	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.922.684.052	2.380.796.252
Các khoản khác	620.595.110	-
b. Dài hạn	120.672.603.393	123.442.256.767
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	9.791.644.473	11.671.271.641
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	4.152.810.547	5.445.295.097
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	12.767.579.074	12.001.250.757
Chi phí thuê đất	93.236.813.059	92.818.552.769
Chi phí trả trước dài hạn khác	723.756.240	1.505.886.503
	<u>124.215.882.555</u>	<u>125.823.053.019</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ						
Số dư đầu năm	576.902.579.836	811.382.480.627	100.157.427.746	24.257.405.004	80.400.000	1.512.780.293.213
Mua trong năm	-	2.147.501.407	467.160.000	2.805.804.909	-	5.420.466.316
Đầu tư lắp đặt hoàn thành	194.118.164.850	10.462.747.503	-	82.811.532.777	-	287.392.445.130
Tăng do chuyển đổi báo cáo Công ty con	-	-	12.879.000	784.821	-	13.663.821
Giảm khác	(356.567.787)	(14.000.000)	-	-	-	(370.567.787)
Số dư cuối năm	770.664.176.899	823.978.729.537	100.637.466.746	109.875.527.511	80.400.000	1.805.236.300.693
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	258.136.654.812	494.114.902.908	65.296.205.850	20.042.343.679	80.400.000	837.670.507.249
Trích khấu hao	7.880.076.742	14.405.529.957	1.664.835.722	965.528.955	-	24.915.971.376
Tăng do chuyển đổi báo cáo Camgelx	-	-	4.253.371	644.082	-	4.897.453
Giảm khác Bơm HD	(11.502.187)	(666.666)	-	-	-	(12.168.853)
Số dư cuối năm	266.005.229.367	508.519.766.199	66.965.294.943	21.008.516.716	80.400.000	862.579.207.225
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	318.765.925.024	317.267.577.719	34.861.221.896	4.215.061.325	-	675.109.785.964
Số dư cuối năm	504.658.947.532	315.458.963.338	33.672.171.803	88.867.010.795	-	942.657.093.468

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

NGUYÊN GIÁ

Số dư đầu năm

Giảm khác

Số dư cuối năm

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư đầu năm

Trích khấu hao

Giảm khác

Số dư cuối năm

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Số dư đầu năm

Số dư cuối năm

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	79.437.072.507	2.777.471.665	2.648.639.426	84.863.183.598
Giảm khác	-	-	(117.381.873)	(117.381.873)
Số dư cuối năm	79.437.072.507	2.777.471.665	2.531.257.553	84.745.801.725
Số dư đầu năm	6.818.668.105	1.867.475.422	1.221.625.013	9.907.768.540
Trích khấu hao	254.956.431	57.907.437	40.753.041	353.616.909
Giảm khác	-	-	(117.381.873)	(117.381.873)
Số dư cuối năm	7.073.624.536	1.925.382.859	1.144.996.181	10.144.003.576
Số dư đầu năm	72.618.404.402	909.996.243	1.427.014.413	74.955.415.058
Số dư cuối năm	72.363.447.971	852.088.806	1.386.261.372	74.601.798.149

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

12 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/03/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay ngắn hạn	741.052.025.250	741.052.025.250	284.780.515.373	349.978.603.772	806.250.113.649	806.250.113.649
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa	258.973.355.602	258.973.355.602	160.761.545.656	217.203.478.001	315.415.287.947	315.415.287.947
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đồng Nai	67.954.523.386	67.954.523.386	26.498.617.617	25.637.715.040	67.093.620.809	67.093.620.809
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Đồng Nai	-	-	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương	18.592.625.795	18.592.625.795	13.067.079.228	23.525.378.966	29.050.925.533	29.050.925.533
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hải Dương	7.469.290.650	7.469.290.650	6.329.290.650	6.354.979.818	7.494.979.818	7.494.979.818
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1	-	-	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VP Hồ Chí Minh	121.086.457.027	121.086.457.027	32.231.856.554	-	88.854.600.473	88.854.600.473
Ngân hàng TNHH MTV HSBC	-	-	-	9.986.556.490	9.986.556.490	9.986.556.490
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Sở giao dịch 2	116.528.175.994	116.528.175.994	19.070.395.803	-	97.457.780.191	97.457.780.191
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	29.155.914.302	29.155.914.302	-	57.943.587.295	87.099.501.597	87.099.501.597
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia	5.311.500.000	5.311.500.000	-	-	5.311.500.000	5.311.500.000

Ngân hàng TMCP Quân đội	76.666.582.051	76.666.582.051	21.682.430.122	-	54.984.151.929	54.984.151.929
Công đoàn Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	900.000.000	900.000.000	-	250.000.000	1.150.000.000	1.150.000.000
Công đoàn Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000	100.000.000
Công đoàn Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000	100.000.000
Vay cá nhân	27.312.344.671	27.312.344.671	5.139.299.743	5.529.908.162	27.702.953.090	27.702.953.090
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Sở giao dịch I	260.255.772	260.255.772	-	-	260.255.772	260.255.772
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước	10.641.000.000	10.641.000.000	-	3.547.000.000	14.188.000.000	14.188.000.000
b. Vay dài hạn	28.380.689.000	28.380.689.000	-	-	28.380.689.000	28.380.689.000
Công ty Đầu tư tài chính Việt Nam	28.380.689.000	28.380.689.000	-	-	28.380.689.000	28.380.689.000
	28.380.689.000	28.380.689.000	-	-	28.380.689.000	28.380.689.000

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

a. Các khoản phải trả người bán	31/03/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Ánh Dương	5.191.575.806	5.191.575.806	-	-
Công ty TNHH CK TM DV Khôi Nguyên	3.008.800.918	3.008.800.918	1.892.481.897	1.892.481.897
Công ty CP Công Thương Đông Phương	2.336.238.300	2.336.238.300	1.080.328.900	1.080.328.900
Công ty CK - TM Quang Thắng	2.339.104.729	2.339.104.729	1.836.238.156	1.836.238.156
Phải trả cho các đối tượng khác	574.918.752.526	574.918.752.526	572.155.265.119	572.155.265.119
	587.794.472.279	587.794.472.279	576.964.314.072	576.964.314.072

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/03/2015
	VND	VND	VND	VND
a. Phải nộp	52.288.685.558	84.318.618.143	(96.650.801.101)	39.956.502.600
Thuế GTGT	10.149.476.457	50.073.907.746	(61.917.165.586)	(1.693.781.383)
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	150.639.429	151.694.597	(258.953.051)	43.380.975
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	38.331.740.850	28.894.887.343	(28.442.366.144)	38.784.262.049
Thuế TNCN	3.500.748.626	2.263.752.689	(3.053.022.802)	2.711.478.513
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	113.625.218	2.274.634.488	(2.312.522.334)	75.737.372
Các loại thuế khác	42.454.978	659.741.280	(666.771.184)	35.425.074
b. Phải thu	1.022.960.550	8.728.400.860	(7.970.814.076)	1.780.547.334
Thuế GTGT	43.310.410	7.970.814.076	(7.970.814.076)	43.310.410
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	6.468.538	-	-	6.468.538
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	973.181.602	-	-	973.181.602
Các loại thuế khác	-	757.586.784	-	757.586.784

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Ngắn hạn	82.650.113.883	86.709.024.960
Chi phí lãi vay phải trả	377.854.261	978.272.162
Trích trước chi phí vận chuyển, thuê kho, phí bảo vệ, tiền ăn ca	4.116.215.642	3.388.784.891
Trích trước lãi ký quỹ và các khoản chiết khấu	42.501.697.133	47.163.601.097
Chi phí hoa hồng	19.477.952.860	21.596.588.670
Phí bản quyền của hợp đồng Lixang AVK	2.887.959.919	3.070.875.500
Trích trước chi phí khuyến mại	6.572.851.000	6.572.851.000
Chi phí phải trả khác	6.715.583.068	3.938.051.640
	82.650.113.883	86.709.024.960

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Ngắn hạn	310.695.230.915	331.333.663.527
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	1.087.852.802
Kinh phí công đoàn	1.669.180.195	2.928.982.471
Bảo hiểm xã hội	919.510.320	343.516.974
Bảo hiểm y tế	96.168.152	121.826.929
Bảo hiểm thất nghiệp	53.681.088	217.235.866
Phải trả về cổ phần hoá	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	233.259.578.256	252.550.342.331
Phải trả cổ tức cho cổ đông	806.650.000	808.210.000
Phải trả cổ tức cho cổ đông thiểu số tại Công ty con	1.853.600.000	2.288.720.969
Phải trả lãi vay	-	108.612.623
Thuế thu nhập cá nhân thu thừa của CBCNV	619.474.521	-
Nhận đặt cọc thực hiện dự án 10 Trần Nguyên Hãn - Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000
Phải trả Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	36.964.348.246	36.964.348.246
Phải trả, phải nộp khác	14.453.040.137	13.914.014.316
b. Dài hạn	17.111.375.784	7.597.579.662
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	5.578.882.222	7.597.579.662
Phải trả lãi ký quỹ	2.300.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.232.493.562	-

17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Ngắn hạn	27.772.258.467	68.380.492.173
Doanh thu nhận trước	27.772.258.467	68.380.492.173
b. Dài hạn	501.758.230	-
Doanh thu nhận trước	501.758.230	-

18 . TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	6.993.557.966	3.956.053.745
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	22%	22%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.683.015.538	3.956.053.745
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	5.310.542.428	-
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	177.699.715	528.689.079
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	22%	22%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	177.699.715	528.689.079
	<u>7.171.257.681</u>	<u>4.484.742.824</u>

19 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn	85.137.454.271	77.455.883.215
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	85.137.454.271	77.455.883.215
b. Dài hạn	34.139.544.070	43.481.057.632
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	34.139.544.070	43.481.057.632
	<u>119.276.998.341</u>	<u>120.936.940.847</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Vốn khác của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Từ 01/01/2014 ĐẾN 31/03/2014									
Số dư đầu năm trước	1.400.000.000.000	47.513.826.624	(5.025.000.000)	819.607.405	64.580.464.743	186.096.715	571.636.332.758	451.373.236.710	2.531.084.564.955
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	60.426.652.026	38.854.788.658	99.281.440.684
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	156.071.481	-	(2.338.297.485)	-	(2.182.226.004)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(304.767.579)	(27.232.260.123)	(27.537.027.702)
Số dư cuối kỳ trước	1.400.000.000.000	47.513.826.624	(5.025.000.000)	819.607.405	64.736.536.224	186.096.715	629.419.919.720	462.995.765.245	2.600.646.751.933
Từ 01/01/2015 ĐẾN 31/03/2015									
Số dư đầu năm nay	1.400.000.000.000	47.513.826.624	(5.025.000.000)	960.044.030	107.862.750.909	198.392.508	629.439.175.337	548.863.726.600	2.729.812.916.008
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	96.648.415.903	26.684.930.526	123.333.346.429
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	3.923.714.327	-	(4.181.607.520)	-	(257.893.193)
Chuyển đổi báo cáo của công ty ở nước ngoài	-	-	-	802.830.460	-	-	-	-	802.830.460
Số dư cuối năm nay	1.400.000.000.000	47.513.826.624	(5.025.000.000)	1.762.874.490	111.786.465.236	198.392.508	721.905.983.720	575.548.657.126	2.853.691.199.704

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Nhà nước	1.220.448.000.000	87,17%	1.220.448.000.000	87,17%
Vốn góp của cổ đông khác	179.552.000.000	12,83%	179.552.000.000	12,83%
	1.400.000.000.000	100,00%	1.400.000.000.000	100,00%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>1.400.000.000.000</i>	<i>1.400.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>1.400.000.000.000</i>	<i>1.400.000.000.000</i>
Cổ phiếu		
	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	140.000.000	140.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>140.000.000</i>	<i>140.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	139.500.000	139.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>139.500.000</i>	<i>139.500.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

Các quỹ công ty

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	111.786.465.236	107.862.750.909
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	198.392.508	198.392.508
	111.984.857.744	108.061.143.417

23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
c. Ngoại tệ các loại		
Đồng Dollar Mỹ (USD)	2.305.905,77	3.117.490,89
Đồng Bảng Anh (GBP)	-	196,59
Đồng Krone Đan Mạch (DKK)	-	1.923,75
Đồng Euro (EUR)	3.385,48	3.385,48
Đồng đô la Úc (AUD)	2.250,00	250,00
Đồng Yên Nhật (JPY)	33.000,00	33.000,00
Đồng Reil Cambodia (Reil)	-	914.100,19
d. Nợ khó đòi đã xử lý		
Nợ khó đòi tại Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	5.818.411.602	5.818.411.602
Nợ khó đòi tại Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ	3.706.210.146	3.706.210.146

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
	VND	VND
a. Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa, vật tư	2.075.236.713.137	1.870.261.013.012
Doanh thu cung cấp dịch vụ, hợp đồng xây dựng	35.672.459.977	25.154.022.831
	2.110.909.173.114	1.895.415.035.843

25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	82.762.532.623	-
Hàng bán bị trả lại	1.686.269.478	4.766.596.148
	84.448.802.101	4.766.596.148

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, vật tư đã bán	1.716.342.770.124	1.670.569.463.713
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp, giá vốn hợp đồng xây dựng	24.458.576.718	13.316.016.430
	1.740.801.346.842	1.683.885.480.143

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

27 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
	VND	VND
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	40.536.042.782	24.114.561.516
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(125.000.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	40.536.042.782	23.989.561.516
	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh		
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(2.987.539.471)	(2.618.481)
	(2.987.539.471)	(2.618.481)

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	96.648.415.903	60.426.652.026
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	96.648.415.903	60.426.652.026
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	139.500.000	139.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	693	433

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty

	Giá trị số kế toán			
	31/03/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	527.734.168.260	-	770.927.664.834	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.050.380.189.034	(52.095.702.335)	1.000.021.031.901	(51.629.924.031)
Đầu tư ngắn hạn	305.619.497.173	-	271.325.737.173	-
Đầu tư dài hạn	11.049.239.076	(864.596.200)	11.049.239.076	(984.397.800)
	1.894.783.093.543	(52.960.298.535)	2.053.323.672.984	(52.614.321.831)

	Giá trị số kế toán	
	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	769.432.714.250	834.630.802.649
Phải trả người bán, phải trả khác	915.601.078.978	915.895.557.261
Chi phí phải trả	82.650.113.883	86.709.024.960
	1.767.683.907.111	1.837.235.384.870

Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan. Vì vậy, Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 31/03/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	527.734.168.260	-	-	527.734.168.260
Phải thu khách hàng, phải thu khác	998.284.486.699	-	-	998.284.486.699
Đầu tư ngắn hạn	305.619.497.173	-	-	305.619.497.173
Đầu tư dài hạn	-	10.184.642.876	-	10.184.642.876
	1.831.638.152.132	10.184.642.876	-	1.841.822.795.008
Tại 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	770.927.664.834	-	-	770.927.664.834
Phải thu khách hàng, phải thu khác	948.391.107.870	-	-	948.391.107.870
Đầu tư ngắn hạn	271.325.737.173	-	-	271.325.737.173
Đầu tư dài hạn	-	10.064.841.276	-	10.064.841.276
	1.990.644.509.877	10.064.841.276	-	2.000.709.351.153

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 31/03/2015				
Vay và nợ	741.052.025.250	28.380.689.000	-	769.432.714.250
Phải trả người bán, phải trả khác	915.601.078.978	-	-	915.601.078.978
Chi phí phải trả	82.650.113.883	-	-	82.650.113.883
	1.739.303.218.111	28.380.689.000	-	1.767.683.907.111
Tại 01/01/2015				
Vay và nợ	806.250.113.649	28.380.689.000	-	834.630.802.649
Phải trả người bán, phải trả khác	908.297.977.599	7.597.579.662	-	915.895.557.261
Chi phí phải trả	86.709.024.960	-	-	86.709.024.960
	1.801.257.116.208	35.978.268.662	-	1.837.235.384.870

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

31 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty là hoạt động sản xuất, thương mại và hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán và được trình bày lại theo hướng dẫn của thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.



Đoàn Thị Lan Phương
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc
Lập, ngày 19 tháng 6 năm 2015

